

LUẬN TỬ ĐẾ

QUYỂN 4

Phẩm Thứ Sáu: PHÂN BIỆT ĐẠO ĐẾ

Kinh nói: “Đạo đế là thế nào”. Nguyên nhân nào phát khởi? Nếu đạo có thể diệt khát ái thì không nên nói tu hành đạt đến hết khổ. Nếu không như vậy thì lời nói này mâu thuẫn? Nếu đủ cả Diệt, Tập, Khổ thì tại sao trong kinh không nói đầy đủ? Nếu đạo có thể làm cho hết khổ, thì người tu đạo hoàn thành, phải không có phẩm khổ. Nếu không như vậy, thì không nên nói tu hành đạt đến hết khổ? Nếu pháp hữu vi ở trong pháp vô vi, không có tu hành đạt đến, thì tại sao nói tu hành đạt đến hết khổ? Chánh hành là nghĩa gì? Nói chánh hành là tám Thánh đạo, lời nói khẳng định này có công dụng gì? Tên gọi Thánh đạo có nghĩa gì? Vì sao chỉ nói Đạo là Thánh, mà không nói các trợ đạo khác? Nếu đạo khác với phần (đạo), thì nên nói tướng của chúng. Nếu nói đạo chỉ là phần, thì phần đầy đủ và phần đều không có sai khác? Nghĩa của Đạo là thế nào? Vì sao kinh này nói đầy đủ các phần mà các kinh khác không đủ? Nếu đạo là hữu vi, thì vì sao Đức Phật nói vốn từ xưa đã có. Nếu là vô vi, vì sao lại nói là hữu vi? Nếu đạo là một, khi một người tu tập, thì người khác nên được, ví như áo... Nếu không như vậy, thì không nên nói chỉ do một đạo này? Nếu các bậc Thánh cùng chứng đắc một đạo, vì sao trí tuệ không đồng nhau? Nếu trí tuệ không đồng, thì sao giải thoát như nhau? Nếu là đạo hoặc chẳng phải tâm, thì các vật vô tình cũng nên có đạo. Nếu tâm chẳng phải tâm, thì pháp tu tập tức không đầy đủ. Nếu là tâm pháp, thì các pháp chống trái nhau, làm sao một tâm đều có? Nếu đạo đến diệt trừ Hoặc, thì pháp trái nghịch và một tâm đều có. Nếu không đến, thì đối với sự liên tục của người khác làm sao không dứt trừ? Nếu các phần đều cùng khởi thì có nhiều tác ý. Nếu khởi theo thứ tự, thì chỉ có một phần? Vì sao lập thành tám phần không

thêm, không bớt? Vì sao không chọn các pháp khác như dục...? Vì sao một pháp mà tạo ra ba loại để nói: Trung đạo. Khả năng diệt phước, ác; tu hành đạt đến hết khổ? Vì sao lại nói chánh kiến trước tiên? Vì sao nói tu hành trước tiên? Chánh kiến có nghĩa gì? Người thấy đã không có, ai làm chủ thể thấy? Chánh kiến và chánh kiến trong mười Thiện nghiệp khác nhau thế nào? Nếu do Chánh kiến cùng một lúc thấy được Đế phải có nhiều cảnh. Nếu không như vậy thì chẳng phải mỗi niệm đều diệt? Nếu chánh kiến đã hiểu rõ các đế, thì phần còn lại dùng làm gì? Chánh giác nghĩa thế nào? Vì sao ba pháp mà thành một? Nếu nương vào hai, định chứng đắc các dòng khô cạn thì Chánh giác không đầy đủ các phần của đạo có thiếu; nghĩa này nên cứu chữa sao đây? Chánh ngôn (ngữ) nghĩa thế nào? Nếu Đạo có ngữ ngôn thì tu không có định. Vì sao? Như Đức Phật dạy: Định cho âm thanh là gai góc. Nhưng nếu không có âm thanh thì không thành tựu đạo phần? Chánh nghiệp nghĩa thế nào? Tất cả các phần đều là chánh nghiệp; tại sao lại nói nói một phần gọi là chánh nghiệp? Nếu xa lìa gọi là chánh nghiệp, thì xa lìa tức chẳng phải tạo tác, thế làm sao thành nghiệp? Xa lìa nghiệp đánh... tại sao không gọi tên là Đạo phần? Chánh nghiệp, chánh mạng và chánh nghiệp, chánh mạng của mười Thiện nghiệp cả hai khác nhau thế nào? Chánh mạng nghĩa thế nào? Chánh mạng nếu thuộc về nghiệp thân, khẩu, thì làm sao thành lập riêng biệt? Chánh tinh tấn là thế nào? Thế nào là tướng? Thế nào là dụng? Thế nào là duyên? Thế nào là nghĩa của chánh tinh tấn? Nếu chỉ diệt ác là thiện, thì không cần có hai tinh tấn. Nếu chẳng phải thiện, thì Diệt đế tức chẳng phải thiện. Nếu nhất tâm tu tập chánh cần, liền được đầy đủ, thì không có bốn chánh cần. Nếu theo thứ tự tu tập, thì các trợ đạo tu không có đủ. Chánh niệm là thế nào? Thế nào là tướng? Thế nào là dụng? Thế nào là duyên? Thế nào là nghĩa của chánh niệm? Các pháp hữu vi trong từng sát na không dừng nghỉ, thì làm sao Niệm thành tựu. Vì sao? Vì người kia thấy, người kia nhớ nên không có nghĩa này? Nếu tất cả các pháp đều là niệm xứ, thì niệm căn tức là niệm xứ; nghĩa này không tương ưng? Nếu chỉ do tự mình niệm, không thể nắm giữ một pháp, thì sao kinh lại nói có nắm giữ một niệm. Vì sao có lúc có thể nhớ nghĩ, có lúc lại không thể? Thế nào là Tam-ma-đề? Thế nào là tướng? Thế nào là dụng? Thế nào là duyên? Thế nào là nghĩa của Tam ma đề? Chánh định nếu là định, thì bậc Tu-đà-hoàn phải không còn tham dục, sân hận. Nếu không như vậy thì trái với đạo lý?

Ông hỏi: Kinh nói: “Đạo đế là thế nào?” nguyên nhân nào phát

khởi lời nói này?

Đáp: Câu hỏi này không vì khai mở lời dạy của bậc Trí. Vì sao? Do nghe tên đã hiểu rõ nghĩa. Đó là từ tâm đại bi mà phát khởi, để biện minh về đạo Niết bàn về nghĩa ẩn kín, hiển bày muốn được nói rộng rãi về sự tu chứng. Vì đệ tử còn trí tuệ phân biệt, nên Đức Phật tự hỏi. Vì sao? vì sao trước hỏi, sau giải thích thì được nhiều lợi ích. Như trước đã bàn luận rộng về duyên khởi rồi. Lại nữa, vì các đệ tử tiếp nhận sự giáo hóa của Phật, hỏi các ngoại đạo, nghe họ nói có nhiều loại Đạo mà chưa có khả năng quyết định đạo ấy tà hay chánh; để trừ nghi ngờ điên đảo vô minh nơi tâm của các đệ tử, nên Đức Phật tự hỏi và tự trả lời. Thế nào là Đạo? Là tám con đường của bậc Thánh. Vì như nghi ngờ đường đi, người dẫn đường chỉ cho đó là con đường tốt.

Ông hỏi: Nếu Đạo có thể diệt trừ khát ái, thì không nên nói tu hành đạt đến hết khổ. Nếu không như vậy, thì lời nói này mâu thuẫn?

Đáp: Thánh nhân từ khi mới phát tâm là tu hành, dụng ý muốn, trừ diệt khổ, vì mục đích đó phát khởi Đạo. Cho nên nói tu hành đạt đến hết khổ. Khổ ấy hết là do nhân diệt mới là thành tựu. Vì thế phải trừ bỏ nhân. Ví như con của Thầy! Lại nữa, chư Phật quán xét tất cả chúng sanh bị đọa vào các nạn khổ, nên phát tâm tu đạo, để đoạn trừ các khổ cho họ. Dụng ý tu hành này như trong kinh Quốc Thệ đã nói: Như các kinh khác cũng nói: Khổ hết là dụng ý của người xuất gia tu tập phạm hạnh, như kinh Thất xa thí: Lại Như Lai ra đời vì ba việc; trong đó làm cho họ hết khổ, là tối thượng. Cho nên nói tu hành đạt đến hết khổ. Lại nữa, tất cả pháp hữu vi là vô thường nên khổ, xa lìa được pháp hữu vi thì nói là hết khổ. Như kinh Phiệt dụ có dạy: “Pháp còn xả bỏ huống là phi pháp!” Lại nữa, do tám Thánh đạo có khả năng dứt trừ các thủ ấm, cho nên nói chung cả hai đều diệt mà không mâu thuẫn.

Ông hỏi: Nếu đủ cả Tập, Diệt, Khổ thì tại sao trong kinh không nói đầy đủ?

Đáp: Nghĩa là diệt khát ái nhờ khổ hết mới được hiển bày. Lại nữa, nhân diệt chẳng phải là dụng chính, lấy sự khổ hết mới là chính. Lại nữa, Thánh đạo có thể diệt các pháp hữu vi và thủ ấm, nên nói khổ hết, thì thông suốt cả khát ái cũng diệt.

Ông hỏi: Nếu Đạo có thể làm cho hết khổ, thì người tu đạo hoàn thành, không nên có phẩm khổ. Nếu không như vậy thì không thể nói tu hành đạt đến hết khổ?

Đáp: Căn cứ nhân duyên hết cho nên nói là khổ. Như nói lửa đã tắt thì gọi là tro tàn, ví như gốc bị chặt thì nói cây chết. Lại nữa, Thánh đạo

có thể diệt khổ của tà phân biệt, mà không đoạn trừ khổ của nghiệp báo đời trước và khổ ở các địa. Vì như hạng Chiên-đà-la khí hư (rễ rúng) và Ưu-ba-tư-na. Lại nữa, Thánh đạo đối với Hữu dư y Niết bàn, có thể diệt hết khổ nơi tâm; đối với Vô dư Niết bàn có thể diệt hết khổ thân. Lại nữa, Thánh đạo có thể diệt khổ của ấm hữu sau. Chỉ những hành nghiệp tạo ra từ đời trước theo sát chưa diệt, như vòng tròn và mũi tên.

Ông hỏi: Nếu pháp hữu vi ở trong pháp vô vi, thì không có tu hành đạt đến. Tại sao lại nói tu hành đạt đến hết khổ?

Đáp: Niết bàn là không có hành, Đạo cũng không có hành. Tuy cả hai không hành nhưng vì trở về hướng đến Niết bàn khiến cho đạt được Niết bàn, nên nói tu hành đạt đến hết khổ. Ví như con đường lớn. Lại nữa vì phương tiện nói, như nói các dòng chảy vận hành mất rồi, các giọt nước vận hành hết rồi. Dòng chảy và giọt nước trong hết không có vận hành; nhưng thế gian nói là có vận hành. Tu hành đạt đến hết khổ cũng lại như vậy.

Ông hỏi: Chánh hành là thế nào?

Đáp: Do đây mà hiểu rõ được nghĩa chân thật, nên nói là chánh hành. Lại do từng bước tiến tới là hành, như nói thực hành đạo ở tất cả mọi nơi. Lại có khả năng đến nơi an ổn, nên nói là chánh hành. Lại nữa chánh là nghĩa không trái, hành là nghĩa trở về hướng đến đích. Do đây không chống trái với qui hướng Niết bàn, nên gọi là chánh hành.

Ông hỏi: Chánh hành là tám Thánh đạo lời nói khẳng định này có công dụng gì?

Đáp: Vì trái với đạo khác; vì thành lập Đạo của tất cả các xứ thành, vì hiển bày không đến xứ khác. Lại nữa, có thể tận cùng khổ của tất cả đạo (cõi), có khả năng ngăn chặn hết thủy nghiệp báo phiền não thiêu đốt; có khả năng trừ diệt những lo sợ về sự chết v.v... trong đường ác, các hình phạt nặng, sự hủy nhục xấu ác của mình và người khác; có thể trừ bỏ hết đồng xương tích chứa cao như núi Tỳ-phú-la; có thể làm khô cạn sữa, máu và nước mắt. Do công dụng này nên nói khẳng định.

Ông hỏi: Tên gọi Thánh có nghĩa gì?

Đáp: Do thể của Thánh ấy không lưu chuyển, chỉ một vị giải thoát. Nướng vào sự liên tục này, gọi là Thánh nhân. Ví như pháp thiện trong kinh dạy: là chánh kiến của Thánh nhân. Lại nữa là Thánh nhân đã thực hành nên gọi là Thánh ví như con đường của vua đi, gọi là Vương lộ. Lại nữa, những điều mà bậc Thánh đã nói gọi là Thánh. Ví như con đường của Thầy đã đi, gọi là Sư lộ. Lại nữa, các việc bậc Thánh đã làm gọi là Thánh. Ví như ngư lộ (con đường của Trâu chúa đi). Lại nữa,

kiến cho đạt được bậc Thánh tột cùng, gọi là Thánh. Ví như quốc lộ.
Kinh dạy: Thánh là bậc giải thoát chơn chánh.

Ông hỏi: Vì sao chỉ nói Đạo là Thánh mà không nói các trợ đạo khác?

Đáp: Cùng một tướng, đều gọi là Thánh; ví như tánh của lửa. Lại nữa, cùng một vị giải thoát, ví như nước trong biển cùng một vị mặn. Lại nữa, tám Thánh đạo là đứng đầu trong các đạo, có khả năng thâm nhiếp các trợ đạo khác, như kinh Tượng tích thí đã nói.

Ông hỏi: Nếu Đạo khác với phần, thì nên nói tướng của nó. Nếu Đạo chỉ là phần, thì phần đầy đủ và phần, không có sự sai khác chăng?

Đáp: Tướng của phần đủ và phần sai khác, có thể thấy và có thể nói, ví như ba vị của năm phần, cũng như năm phần của Tỳ-kheo trú nơi năm xứ. Đạo cũng như vậy, cùng với phần có khác. Bình đẳng mà nói đều gọi là Đạo. Vì sao? Vì tám loại phần, nếu đạt đến mức bình đẳng, thì có thể diệt trừ phiền não. Hoặc chìm hay nổi thì không thể trừ bỏ các Hoặc. Giống như điều chỉnh dây đàn. Lại nữa, phần ấy đầy đủ trọn vẹn thì gọi là đạo, có khả năng hoàn thành công việc, ví như xe. Tuy nhiên, nếu xét nghĩa chân thật, thì trong một phần đã nói đầy đủ phần; ví như năm phần âm nhạc và năm phần định. Đạo cũng như vậy. Chỉ một phần là đạo. Nay chỗ Luận nói chỉ là phần. Sáu nghĩa của Đạo này chứng minh thành một, nói là Đạo.

1. Kinh dạy: Năm căn là đạo tu tập chứng đắc Niết bàn, năm căn này tức là phần của đạo, nên biết chỉ phần là đạo.

2. Kinh nói: Ba thân thâm nhiếp đạo; ba thân chỉ là phần.

3. Do diệt. Kinh dạy: Chánh kiến thực hành ở đạo diệt, ly không có diệt.

4. Do trừ. Kinh nói: Nếu tu tập chánh kiến có thể trừ bỏ các dục Nếu xa lìa đạo tức không thể trừ bỏ.

5. Do xuất ly. Kinh dạy: Các phần như chánh kiến... có thể xa lìa như thế. Nếu chẳng phải đạo thì không thể xa lìa.

6. Do đạo thanh tịnh. Kinh nói: Bát nhã là đạo, vì đạt được thanh tịnh. Bát nhã tức chánh kiến nên biết phần là đạo.

Ông hỏi: Nghĩa của Đạo là thế nào?

Đáp: Đạo lấy sự tìm cầu làm nghĩa. Vì sao? Vì ở đấy có thể đạt được nghĩa chân thật. Cũng lấy hành (đi đến) làm nghĩa. Lấy hành làm nghĩa là như thế gian nói: Đạo này đi đến hưởng nước Xá-vệ. Đạo cũng như vậy, trở về hưởng đến Niết bàn. Lại nữa, cửa đi vào nghĩa chân thật,

phương tiện thực hành lý. Những nghĩa này đều là nghĩa của Đạo.

Ông hỏi: Vì sao kinh này nói đầy đủ các phần, còn kinh khác không đủ?

Đáp: Luận Pháp Tạng nói: Giả danh có hai loại:

1. Tự tại giả danh.
2. Y tha giả danh.

Nói các phần của tự thể thì gọi là tự tại giả danh, như phần của Đạo là chánh kiến v.v... Y tha giả danh như các môn niệm... cùng những phần trợ đạo khác. Vì sao? Vì phẩm đạo này tu tập chẳng phải tu rời rạc. Lại nữa, do sự trội hơn lẫn át, nên trong niệm xứ... tùy theo một pháp trội hơn thì lẫn át, các pháp còn lại đồng tên gọi với pháp đó. Ví như vị chua, mặn v.v... các vị khác, tùy vào vị mạnh ấy, để đặt tên. Lại như các cõi, tùy vào một loại trội nhất các loại khác cũng đồng theo tên gọi đó. Lại nữa trong cõi Dục, thì nói đầy đủ các phần của đạo; cõi Sắc, Vô sắc thì nói hoặc năm, hoặc bốn, vì diệt tự thể, bốn đối trị, phần còn lại hoặc tăng hay giảm tùy theo cõi, địa. Vì nghĩa này nên có đủ hay không đủ.

Ông hỏi: Nếu đạo là hữu vi, vì sao Đức Phật nói là Đạo có từ xưa. Nếu là vô vi thì vì sao lại nói là pháp hữu vi?

Đáp: Do đấy, mà (các sư) xưa nói đạo là hữu vi. Vì sao? Vì pháp hữu vi có mới có cũ, ví như lúa tẻ. Nếu là vô vi không nên nói như vậy. Ví như hư không cho đến Niết bàn. Như nói thân nghiệp xưa mà chẳng phải là vô vi, như nói Thánh chủng và pháp. Các sư vì thế cho nên nói đạo chẳng phải vô vi. Nay Đạo mà Luận nói tức là hữu vi. Vì sao biết? Vì có phân biệt diễn rộng, như Kinh Đế Tướng Ứng và phần trả lời câu hỏi của Đạt Ma Trần Na như sau: Do tướng hữu vi. Như kinh nói: Nương vào Chánh tư duy, nếu đạo chưa sanh thì được sanh, đã sanh thì tăng trưởng; vì có sanh, trưởng nên biết là hữu vi. Do xả trừ, như kinh nói: Pháp còn phải xả, hướng là phi pháp! Pháp diệt là vô vi thì không thể xả. Do duyên bên trong khởi, như kinh nói: Đạo nương vào bên trong sanh khởi, sự quay trở về nương tựa này là khó được. Nếu là vô vi thì chẳng thể nương vào bên trong khởi. Do nơi nghiệp mà gọi tên như kinh dạy: Đạo là nghiệp trắng, chẳng phải đen (thiện, ác), có khả năng diệt các nghiệp. Nếu là nghiệp thì chẳng phải là pháp vô vi. Do có thực, như kinh dạy: Bảy Bồ đề phần lấy thực làm nhân; nếu vô vi chẳng cần nhân của thực. Vì nghĩa này nên đạo là hữu vi.

Ông hỏi: Nếu đạo là một, khi một người tu thì người khác phải chứng đắc, ví như y phục. Nếu không như vậy, tức không nên nói, do

một đạo này?

Đáp: Nhiều đạo chứ chẳng phải là một. Vì sao? Vì quả chẳng đồng nhau. Do đạo khác, nên quả có khác. Như con đường khác, nên việc đi có khác. Lại nữa thể khác, nên đạo cũng khác; đó là Kiến đạo, Tu đạo... cũng như bốn khổ vui lâu hay mau. Lại nữa, căn khác, nên đạo cũng khác; nghĩa là chín Học, chín Vô học, Bích chi Phật, Phật đều là do căn sai khác vì thế có khác. Căn cứ ở chủng tánh nên nói do cùng một đạo. Như thế gian nói một hạt lúa. Kinh dạy: Chư Phật ba đời hoặc quán, hoặc thuyết đấy là Bốn đế, mà thể của ba đế như khổ v.v... thật bất thường; nói do một đạo, cũng như vậy.

Ông hỏi: Nếu các bậc Thánh cùng đắc một đạo, thì sao trí tuệ khác nhau. Nếu trí tuệ khác nhau, sao giải thoát như nhau?

Đáp: Do quán tất cả, tất cả loại cảnh giới mà chứng đắc Chánh giác. Vì thế Phật đạo không giống hai thừa. Như kinh dạy: Người nào biết được tất cả tất cả loại cảnh giới, thì nên biết bậc ấy được gọi là Thế Tôn. “Vì đạo thông suốt bình đẳng, nên dù chỉ diệt Hoặc gốc, người ba Thừa cũng như nhau. Kinh dạy: “Giải thoát năm ấm và giải thoát không khác”. Như nhiều loại lửa, đều giống nhau ở chỗ thiêu đốt củi cháy thành tro, không có gì khác. Do lửa khác nhau, nên uy đức của ánh sáng, xúc nhiệt tỏa ra có khác. Như vậy, trí tuệ có sai khác, nhưng Hoặc là đối tượng diệt được trừ bỏ, giải thoát là giống nhau. Định tuệ, oai đức và ân đức của Phật, vì đạo sai khác, nên khó có thể suy lường, như kinh Đại luân đã nói.

Ông hỏi: Nếu đạo chẳng phải là tâm pháp thì các vật vô tình cũng phải có đạo. Nếu là tâm hoặc chẳng phải là tâm pháp thì sự tu tập không đầy đủ. Nếu là tâm pháp thì các pháp chống trái nhau, làm thế nào một tâm đều có cả?

Đáp: Tâm là phần của sanh tử, là pháp thế gian; đạo là pháp xuất thế; cả hai không tương ứng, như pháp và phi pháp. Nói đạo chẳng phải là tâm pháp, tức dựa vào cảnh gọi là tâm, khả năng mong cầu gọi là đạo. Nếu cả hai cùng một thể thì tự tánh của nó tự biết. Vì tránh khỏi lỗi này, nên nói đạo chẳng phải là tâm pháp. Ví như thọ mạng và định của, vô tướng, vô tâm; tuy chẳng phải tâm pháp, mà trong tướng vách v.v... không có đạo. Cũng vậy, Đạo tuy có tâm nhưng chẳng phải vị trí xứ tâm, thông tỏ được thì tất cả đều có nên không gì không tu tập đầy đủ. Lại nữa, tu tập có ba loại: Nghĩa là gìn giữ, huân tập, nghiên cứu nên tự nhiên đầy đủ. Đạo cũng có thể nói là tâm pháp. Vì sao? Vì cùng chánh tư duy đồng có sanh diệt, ví như một tâm. Kinh dạy: Do sự tu tập

của tâm tăng trưởng, nên đạt được nhất tâm, gọi là tâm định, tức là đạo phần, cùng một xuất ly, cùng thành tựu một việc. Vì thế nên, cùng một tâm mà không trái nghịch

Ông hỏi: Nếu đạo đến diệt trừ Hoặc, thì pháp chống trái, nhất tâm đều cùng có. Nếu không đến thì ở trong liên tục của người khác làm sao không trừ bỏ?

Đáp: Đạo không đến Hoặc mà có thể trừ Hoặc; như đạo không đến phá giới, có thể trừ diệt sự phá giới của mình, không trừ được sự phá giới của người khác. Diệt trừ Hoặc cũng như vậy. Sự tương tục của mình và người tuy đều có không đến, nhưng chỉ trừ bỏ Hoặc của mình mà không thể trừ bỏ Hoặc của người khác. Bộ Phân biệt nói: Chẳng phải đến, chẳng phải không đến, khi ấy trừ được Hoặc. Do không sanh tức là diệt. Ví như trị bệnh, khổ thọ đã đến thì thầy thuốc không thể chữa trị. Vì sao? Vì không thể chuyển khổ thành vui. Khổ thọ chưa đến thì thầy thuốc cũng không thể chữa trị. Vì sao? Vì không có gì cả. Nếu vậy thì làm sao chữa trị được, chỉ làm cho các duyên trái nghịch thôi, khiến cho khổ chưa sanh vĩnh viễn không được sanh khởi. Đạo có khả năng trừ bỏ Hoặc cũng lại như vậy.

Ông hỏi: Nếu các phần đều cùng sanh khởi, thì có nhiều tác ý. Nếu tuần tự sanh khởi thì chỉ có một phần hay sao?

Đáp: Do thành một việc, nên được cùng sanh khởi; chẳng phải duyên cảnh giới riêng, nên không có nhiều tác ý xen tạp cùng khởi. Do công năng nên được thấy có khác nhau. Ví như dục v.v....

Ông hỏi: Vì sao chỉ lập ra tám phần không thêm không bớt?

Đáp: Câu hỏi này không rốt ráo, vì thế gát lại đó. Lại nữa, do đối trị tám phần tà, nên nói tám phần Thánh đạo.

Lại nữa; vì thâm nhiếp ba thân; vì để đối trị ba thứ độc, ba thứ lửa, ba kiết, ba thứ gai, nên nói tám phần. Trong tạng luận cũng nói: Có thể thành tựu tâm tám công đức, nên nói tám phần. Do đạt chánh kiến nên tâm thanh tịnh. Do đạt đến chánh giác nên tâm trong sáng. Do đạt được chánh ngữ nên tâm bình thản. Do đạt được chánh nghiệp nên tâm không hối hận. Do đạt được chánh mạng nên tâm uyển chuyển. Do đạt được chánh tinh tấn nên tâm tùy thuận giáo pháp. Do đạt được chánh niệm nên tâm được an trụ. Do đạt được chánh định nên tâm không động.

Ông hỏi: Vì sao không chọn các pháp khác như dục v.v...?

Đáp: Chỉ chọn lấy pháp thù thắng, hoặc chọn lấy công dụng mạnh, hoặc chọn khả năng gánh vác giữ gìn, hoặc đều thâm tóm hết về chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng là phần của Tu-đà-hoàn. Tín là thuộc

về ba thứ này. Tu-đà-hoàn có đủ bốn trí tín; dục tức là tín.

Lại nữa, tín này cũng thuộc về chánh kiến. Bạc Tu-đà-hoàn đắc được trí tín, còn hỷ, khinh an, xả là thuộc về chánh định. Vì thế cho nên tám phần là thấu tóm hết các phần.

Ông hỏi: Vì sao một pháp mà nói thành ba loại, hoặc nói trung đạo hoặc nói khả năng diệt ác, phước, hoặc nói là tu hành đạt đến hết khổ?

Đáp: Do ba việc này thù thắng. Ví như mặt trời có thể phá bóng tối, gọi đó là ánh sáng; có thể phân biệt được ngày và đêm gọi đó là mặt trời; có thể phân biệt từng sát na gọi đó là gốc thời gian. Thánh đạo cũng như vậy; có thể lia nhị biên nên gọi là trung đạo; có thể trừ hai nghiệp trắng, đen nên gọi là diệt phước ác; nhổ hết khổ nơi tâm và thân, nên nói tu hành đạt đến hết khổ. Hoặc loại trừ đạo của ba đời, nên nói tu hành đạt đến hết khổ.

Ông hỏi: Vì sao chánh kiến được nói trước?

Đáp: Vì nó là đứng đầu. Ví như vua. Kinh dạy: Trong tất cả pháp hữu vi, Bất nhã là hơn hết.

Lại nữa, có thể tạo công đức thù thắng. Nếu trí tuệ thù thắng, thì các đức đều thù thắng. Như Tôn giả Xá-lợi-phất, nhờ chánh kiến, nên nhận biết đúng đắn không thiên lệch. Như trưởng giả Thủ La, nhờ chánh kiến nên tâm khó lay động. Như vua A-du-kha, nhờ chánh kiến mà người khác không thể dẫn dắt. Như trưởng giả Chất-đa-la có thể trừ diệt nguồn gốc các tai họa ngang trái. Như kinh dạy: Ánh sáng hiện ra thì tan hết bóng tối. Vì thế, chánh kiến là đầu tiên.

Ông hỏi: Vì sao nói lấy đó tu tập trước tiên?

Đáp: Do được chánh kiến thì các chi phần khác cũng đạt, được thoát khỏi thế gian, không còn sanh tử, chứng pháp Bất cộng. Hoặc nói do năng lực của chánh kiến, mà các chi phần còn lại được gọi là đạo giải thoát. Như kinh dạy: Tỳ-kheo là bậc chánh kiến, nghiệp thân, miệng, ý đạt đến quả tối diệu đáng yêu thích. Như kinh đã giảng nói rộng. Thế nên, lấy chánh kiến làm việc tu tập đầu tiên.

Ông hỏi: Chánh kiến nghĩa là gì?

Đáp: Không đảo ngược là chánh, chứng thật sáng suốt là kiến. Chứng thật, sáng suốt không đảo ngược chủng loại chân thật mà mình đã y chỉ gọi là chánh kiến.

Lại nữa, chơn như gọi là chánh, quán gọi là kiến. Quán Thánh đế như thật gọi là chánh kiến.

Lại nữa, chánh là nghĩa tán thán. Kiến là nghĩa của sự sáng suốt.

Vì sáng suốt đáng tán thán nên gọi là chánh kiến. Như kinh dạy: Trong các ánh sáng, ánh sáng tối thắng, tức là chánh kiến.

Lại nữa, cảnh uy đức thù thắng, trí hiện hành theo, đó là chánh kiến. Vì sao? Vì ở vị chánh định, nòi tên gọi là chánh kiến, như trong kinh *Chứng tử thí đã dạy*. Lại nữa, luận Lý Túc cũng nói: Do cảnh chánh nên trí chánh, chứ không phải là do trí chánh nên cảnh đúng. Các tướng hữu vi, hữu lưu tương ứng nên tất cả chỉ là khổ. Quyết định biết như đây, đó gọi là chánh kiến, như Đức Phật đã dạy cho Tôn giả Ca-chiên-diên vậy.

Lại trong luận tạng dạy: Đối trị vô trí, nghi trí và đảo trí có thể thoát khỏi các khổ là trí chơn thật. Trí này gọi là chánh kiến.

Ông hỏi: Người thấy (kiến) đã không có, ai làm chủ thể thấy?

Đáp: Các duyên tụ tận cùng thành thấy này. không có một vật riêng làm người thấy đó. Ví như hoa, quả; Lại như kệ nói:

*Có thấy, không có chủ thể thấy
Pháp nào được làm người thấy kia?
Từ các duyên hòa hợp mà sanh
Như thấy sắc nói là giả dối.
Khi pháp tập hợp, thấy là hợp,
Không tan hoại, không có thể thấy
Chỉ là nhân duyên tạo tác thành
Như ác và người không dính nhau.*

Pháp từ duyên sanh, không thể nói thuộc một; như Đức Phật, vì pháp chấp Cầu na (thực thể), nên nói: Ta không nói Thức làm chủ thể nhận thức. Vì sao? Vì đây chỉ gọi là phần đủ, tạm đặt ra tên gọi như vậy.

Ông hỏi: Chánh kiến và chánh kiến, trong mười Thiện nghiệp khác nhau thế nào?

Đáp: Trí thế tục ở nơi mười thiện. Trí chơn thật ở nơi tám chánh đạo. Thường chiêu cảm sự sanh sau này, lấy khổ làm quả, quán nghiệp làm cảnh, chánh kiến như thế thuộc mười pháp thiện. Thường diệt trừ ba cõi, Niết bàn là quả, duyên Đế làm cảnh, chánh kiến như vậy thuộc nơi tám Thánh đạo.

Ông hỏi: Nếu do chánh kiến, cùng một lúc thấy được đế, thì lẽ ra phải có nhiều cảnh; nếu không như vậy thì chẳng phải mỗi niệm diệt?

Đáp: Cùng một lúc có thể thành tựu được bốn việc, nên nói là cùng một lúc, chứ chẳng phải vì cảnh khác. Luận Lý Túc nói: Người tu tập quán và thực hành, nhờ trí tuệ của bậc Thánh mà thông suốt từng lỗ

chân lông, có thể đoạn trừ các Hoặc.

Lại như các kinh khác dạy: Nếu quán thông suốt ba thọ, thì mọi việc đã làm xong, không còn chỗ tạo tác. Do thông suốt tướng, pháp, Đế tướng vô ngã, thế nên, cùng một lúc quán thông cả Bốn đế. Như theo thứ lớp quán thì duyên Vô thường, Khổ, Vô ngã, cùng một lúc thông cả Khổ đế.

Ông hỏi: Nếu chánh kiến đã hiểu rõ các đế, thì phần còn lại dùng làm gì?

Đáp: Tất cả các phần đều là chủ thể diệt trừ và tự đối trị, mọi thứ đều có cái dụng như đồ xuống phương dưới.

Lại nữa, tất cả các chi phần, tự trong mỗi việc là trên hết, cộng lại thành một việc. Ví như các bộ phận của xe và các phần của mỗi bộ phận xe, mỗi phần đều có công dụng, khi hợp lại thì mới vận chuyển được. Các phần của đạo và đạo cũng như vậy.

Ông hỏi: Nghĩa của chánh giác là gì?

Đáp: Chưa từng có suy lường, nay mới phát sanh, gọi là chánh giác. Lại nữa, là pháp bình đẳng do tướng hành duyên với nhau mà dấy khởi. Lại nữa, cảnh giới quả và thể tướng, cùng phù trợ cho nhau, nên gọi là chánh giác. Lại nữa, như thấy là tùy vào sự chọn lấy, không bỏ gọi là chánh giác. Như bò ngậm thức ăn.

Ông hỏi: Vì sao ba pháp hợp thành một?

Đáp: Cùng một tướng nên như các chi phần khác của đạo. Lại nữa, khéo lãnh thọ suy xét bình đẳng, ví như phần định. Lại nữa, duyên Niết bàn là cảnh, như định vô tướng, nên ba hợp thành một.

Ông hỏi: Nếu dựa vào hai định chứng đắc các dòng khô cạn, thì chánh giác không đầy đủ các phần đạo, có thiếu nghĩa này nên cấu chứa sao đây?

Đáp: Nếu dựa vào hai định mà tu Bát chánh đạo thì chỉ không có phần giác quán ở định ban đầu, chẳng phải không có giác trong phần đạo. Ví như định ban đầu và Tam-ma-đề không có giác quán.

Lại nữa, do sự việc thành tựu, nên nói có chánh giác, không do ở thể; ví như có sự nhận biết ở năm căn. Lại nữa, thường nhổ bỏ, diệt trừ, đối trị nên nói là có chánh giác. Ví như chánh ngữ.

Ông hỏi: Chánh ngữ có nghĩa thế nào?

Đáp: Mãi mãi thọ lãnh lời thệ nguyện, không phá bỏ; gọi là chánh ngữ, như truyện Cù-sư-la. Lại nữa, là lời nói thanh tịnh, vì đã trừ bỏ mong cầu, chấp giữ, cấu uế diệt mất. Lại nữa, pháp vốn như vậy, mọi sở đắc vĩnh viễn thực hành tốt, gọi là chánh ngữ. Giới của chánh ngữ có

hai loại. Một là không khiến cho biết, như kinh dạy: Là xa lìa các thứ nói dối; Hai là khiến cho biết, như kinh dạy: Khi người này nói ra thì lời nói ấy là chân thật.

Ông hỏi: Nếu đạo có ngữ ngôn thì tu không có định. Vì sao? Như Đức Phật dạy: Định cho âm thanh là gai góc. Nếu không có âm thanh thì không thể thành tựu Đạo phần.

Đáp: Vì là Đạo phần nên chẳng phải gai góc; ví như chánh giác, Hỷ giác phần v.v....

Lại nữa, nói âm thanh là gai góc thì không hẳn vậy. Ví như nhìn người nữ cũng là gai góc. Kinh dạy: Thường nhìn người nữ là gai góc trở ngại người tu phạm hạnh. Nhưng chẳng phải là gai góc của bậc A-la-hán, vì họ đã nhổ bỏ gai góc (ái dục).

Kinh dạy: Bậc Voi chúa (Phật) thuyết pháp ở định, đi, đứng v.v... cũng định tĩnh. Như người tu tập quán, suy nghĩ đúng thuyết pháp, tâm đều ở nơi định, không vì có nói pháp mà không định. Sư Kinh Bộ nói: Xa lìa bốn cách nói tức là chánh ngữ. Như thế gian nói thì đã lìa. Như chánh ngữ mà làm. Như nói: ngựa này chạy nhanh, người kia khéo giỏi...

Ông hỏi: Chánh nghiệp nghĩa là thế nào?

Đáp: Như kinh dạy: Xa lìa nghiệp xấu ác của thân gọi là chánh nghiệp.

Kinh dạy: Nghiệp thân này không chia chẻ, không lưu giữ, không ban bố; tự tại, không chấp giữ, thường sanh vắng lặng, gọi là Chánh nghiệp.

Lại nữa, do quán xét lỗi lầm mà xa lìa sát sanh, không tạo tác, không làm, ngăn cản, không ưa thích; gọi là Chánh nghiệp.

Ông hỏi: Tất cả phần đều là Chánh nghiệp; thì sao lại nói một phần gọi là Chánh nghiệp..

Đáp: Nếu xa lìa tên này thì tên khác không hiển bày. Như pháp giới, pháp nhập... chẳng phải là chỗ duyên của nhãn thức, không khiến người khác biết, gọi là Chánh nghiệp, là chỗ y chỉ của tất cả các nghiệp, ví như nền tảng của nghiệp.

Ông hỏi: Nếu nói xa lìa tạo tác, gọi là Chánh nghiệp; mà lìa xa thì chẳng phải tạo tác, làm sao thành nghiệp.

Đáp: Không tạo tác cố khởi nghiệp ác, mà tạo tác giữ gìn nghiệp thiện, nên biết tức là chánh nghiệp. Như kinh dạy: Ta nói tạo tác, Ta nói không tạo tác.

Lại nữa, có thể đoạn trừ hai nghiệp trắng đen; nên gọi là không

tạo tác. Có thể đối trị nghiệp nên nói là tạo tác.

Lại nữa, chánh nghiệp cũng gọi là chánh nghiệp trừ. Do tên gọi này nên nghĩa tạo tác và không tạo tác, được thành tựu. Ví như nhờ mắt mà nói thấy, cũng nhờ mắt mà nói không thấy.

Hỏi: Nếu không tạo tác thì sao biết có nghiệp này?

Đáp: Có nhiều nhân duyên, nên nghiệp này có thể biết. Nhờ Kinh nói: Sắc có ba loại: Một là có thấy, có ngại; hai là không thấy, có ngại; ba là không thấy, không ngại. Lại nói có sắc không lưu chuyển. Lại nói là do bẫy lợi ích của phước đức. Lại nói do giáo hóa người khác cũng có mười nghiệp đạo. Lại nói, Tỳ-kheo có pháp chẳng phải thâm tóm trong mười một nhập, tức là không thấy, không ngại mà không nói là không có sắc.

Lại nữa, nếu không có nghiệp này, thì tám phần Thánh đạo tức không đầy đủ. Vì sao? Vì khi chánh thức nhập quán thì ba nghiệp không hành.

Hỏi: Nghĩa này không đúng. Vì sao? Ở nơi đạo phương tiện đã tu ba nghiệp. Như kinh dạy: Người ấy thấy như thật, biết như thật, gọi là chánh kiến. Muốn đạt được tu hành viên mãn chánh giác, tinh tấn, chánh niệm, chánh định; thì thời gian trước phải chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng thanh tịnh trước rồi?

Đáp: Dựa vào đạo giới lìa dục của thế gian nên nói như vậy.

Lại nữa, giới Ba-la-đề-mộc-xoa cũng không nên có. Vì sao? Khi đang lãnh thọ thì có, nhưng sau tâm đổi khác, sẽ không nên gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni.

Kinh dạy: Nghiệp này gọi là bờ đê, có thể ngăn ngừa sự phá giới, hoặc không có gì là không thể ngăn dừng điều ác. Kinh Bộ sư nói: Ở đây chứng được nhiều sự thù thắng, nghĩa thật là hiếm có không thể như đây. Vì sao? Vì Ông nói do Kinh nói sắc có ba. Cho nên biết có vô tác sắc thì nghĩa này không đúng. Các sư thực hành quán như Mục Liên, A-ni-lâu-đà... thì nói: Có sắc là cảnh của định, do năng lực của định mà thành, sắc này chẳng phải là cảnh giới của nhãn căn, cho nên nói không thấy. Không bị nơi chốn làm chướng ngại, gọi là không ngại.

Hoặc Ông nói: Nếu như vậy thì sao gọi là sắc? Tức đây đồng với vô tác sắc trở lại hỏi nghĩa của ông.

Ông nói: Do nói sắc không lưu chuyển, mà biết là có vô tác. Ng-hĩa này không đúng. Vì sắc ấy cũng do năng lực của định sanh, do định không lưu chuyển nên sắc cũng không lưu chuyển.

Các sư lại giải thích: Sắc của A-la-hán cũng là không lưu, chuyển

chẳng phải chỗ nương của lưu chuyển. Hỏi: Nghĩa này không đúng. Như kinh nói: Thế nào là pháp có lưu chuyển? Đó là tất cả mắt cùng tất cả sắc... Sắc này chẳng phải đối trị của lưu chuyển, nên nói là có lưu chuyển. Nếu vậy, thì sắc này hoặc có lưu chuyển, hoặc không lưu chuyển?

Đáp: Nếu đúng thì có sao?

Hỏi: Tướng lẫn lộn sao?

Đáp: Như tướng có lưu; tướng không lưu, không như tướng có, làm sao lẫn lộn! Lại nữa, nếu sắc nhập một hướng có lưu thì tại sao trong kinh nói chọn lựa riêng, không là cách nói chung? Kinh nói: Sắc có lưu tức là chỗ nương tựa nả kín, kiên cố của tâm có chấp thủ, nên gọi là có sắc lưu chuyển. Ông nói: Do lợi ích của bảy phước đức nên biết có vô tác sắc. Nghĩa này không đúng. Các sư trong Kinh Bộ nói: Như Ông dụng tài vật của thí chủ (người cho), do thọ nhận nên người cho được lợi ích của công đức. Thí chủ tuy có tâm khác, nhưng do khi bố thí trước đây có tác ý huân tập, thực hành liên tục, dần dần chuyển thành thù thắng. Do thù thắng này nên có khả năng phát sanh quả báo ở đời vị lai nhiều hay ít. Căn cứ vào sự liên tục này mà nói công đức của thí chủ sanh trưởng. Nếu ông nói: Do sự liên tục của người cho có hơn, kém và tùy theo việc thọ dụng, thì người cho khi ở tâm khác, sự liên tục chuyển thành hơn (thù thắng) làm sao thành tựu được! Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì bằng với nghĩa không tạo tác, nên ông chấp là vô tác. Lại nếu do sự tương tục có hơn, kém và tùy theo nhân thọ dụng thì sự liên tục của người kia làm sao được thành?

Hỏi: Trong chủng loại không tăng trưởng phước đức, vô giáo giới làm sao thường phát sanh?

Đáp: Do thường tu tập duyên với giới, tác ý định cho đến trong giấc ngủ, nên sự tăng trưởng cũng liền theo đó.

Hỏi: Nếu vậy thì trong kinh Úc già Trưởng giả, nghĩa đó là thế nào?

Kinh dạy: Nếu Tỳ-kheo trì giới hành thiện, thọ dụng thức ăn, y phục của thí chủ, đã tu định vô lượng tâm, thân chứng định này, vào trú trong rừng thì do sự thọ dụng này, mà thí chủ được phước đức, an lạc tăng trưởng, lưu chuyển vô lượng, nên cần phải tin biết. Trong đây có tác ý gì? Do vậy biết sự liên tục chuyển thành thù thắng tức là đạo lý chính xác.

Ông nói: Nếu Vô tác nghiệp, vô giáo giới giống như người dạy người khác tác (giáo tha tác) nghiệp, thì nghiệp đạo làm sao thành được? Sư Kinh Bộ cũng nói về sự tạo tác này: Do dạy người khác làm,

nên người kia hoặc xa lìa, hoặc chịu khổ của sự giết hại. Người dạy (chủ thể) thì tăng mạnh dần thiện hay ác trong sự tương tục vi tế. Do chuyển biến tăng lên này, nên có thể phát sanh quả báo nhiều hay ít ở vị lai. Nếu người tự tạo tác thì tùy theo việc đã thành tương tục tăng thêm, gọi đó là nghiệp đạo; nghĩa này cần biết. Vì quả nhờ vào nhân để gọi. Sự quả thân miệng nhờ vào thân miệng để đặt tên gọi, nghĩa cũng như vậy; như vô giáo giới của thân, miệng, ý. Có đại đức nói: Căn cứ ở chúng sanh chấp thủ ấm, do ba thời tác ý, sát sinh, nên cũng phạm tội sát sinh. Nghĩa là tác ý rằng: ta sẽ giết, đang giết, giết rồi. Theo giải thích này cũng không đúng. Tuy có ba tác ý mà nghiệp đạo chưa hẳn thành được. Vì sao? Vì chưa đoạn mạng căn của mẹ v.v... Người kia dấy khởi ba ý, không mắc tội nghịch. Nếu người tự hại mạng căn người khác, do ba ý này thì mắc tội có thể đúng.

Hỏi: Điều là không thể thấy. Vì sao oán ghét, ganh tị, hủy báng, Vô giáo (không biểu hiện) mà chấp nhận tin có sự tương tục chuyển tăng thêm?

Đáp: Không oán ghét, ganh tị ở đây, chỉ do tâm vận hành mà nghiệp đạo của thân được thành. Hoặc nói hành giả có pháp khác, tâm khác việc ấy ta không vui mừng, do tâm gắng thực hành (gia hạnh) mà việc này được thành tựu. Vì việc này thành nên sự liên tục sẽ chuyển tăng thêm, nghĩa này đáng vui mừng. Vì sao? Do tâm liên tục nên quả được thành.

Ông nói: Pháp nhập, Phật, không nói là Không có sắc. Cho nên biết có vô giáo (vô biểu sắc). Nghĩa này đã trả lời xong. Như sắc của cảnh giới định. Ông nói: Nếu không có nghiệp này thì tám chi đạo không thành, cho nên biết là có vô giáo; nghĩa này cần bàn luận. Ông bạn đáng ra là nói: Người nhập để quán thì chánh ngữ, chánh nghiệp chánh mạng, làm sao có được? Người này ở nơi quán là có nói năng, tác nghiệp, tìm, cầu... bốn việc, nên có ba loại này, hay là đương không như vậy?

Đáp: Không đúng! Khi đang trong quán chứng đắc cái gì? Ba loại, vô giáo này do quán này mà hững đắc. Cho nên, ra khỏi quán, sau đó không còn nói sai lầm v.v... chỉ trú ở chánh ngữ v.v.... Do đó, ở trong nhân nhờ quả vốn được mà đặt tên. Vì thế vô giáo gọi là Chánh ngữ v.v.... Luận chủ thì trả lời: Trong đó sao không chấp như thế này: Hoặc đang trong quán, tách rời đối với vô giáo, do đắc mà có ý như vậy, do đắc mà có sự nương tựa như vậy. vì chứng đắc những thứ đó, nên sau khi xuất quán, không còn nói tà v.v... chỉ trụ trong chánh ngữ v.v... Thế nên

trong nhân nhờ quả vốn được mà đặt tên. Cho nên sự liên tục chuyển thành thù thắng, gọi là chánh ngữ. Do nghĩa này nên đạo có tám phần. Phái Thượng Tọa Bộ nói: Chỉ không gây ác, gọi là ba phần. Vì sao? Vì năng lực của Thánh đạo, pháp nhất định không tạo tác. Dựa vào sự không lưu chuyển ở các đường, nên gọi là vô lưu, không hẳn hết thấy các nơi có đủ số pháp đều chơn thật. Như tám pháp thế gian; là được, không được, có danh, không danh, xưng tụng, chê bai, khổ, vui. Trong đây không được, càng không có pháp khác.

Lại có các Sư khác nói: Giới Ba-la-đề-mộc-xoa là ba phần đạo, nương vào phương pháp tác ý tin nhận trước đó. Do tác ý này nên có thể phòng ngừa thân miệng, ngăn chặn việc làm ác, gọi là giới Ba-la-đề-mộc-xoa. Nếu ông nói: Người với tâm khác thì không hộ trì, nghĩa này không đúng. Do luôn tu tập, nên duyên phạm giới đến tác ý liền đến. Nói tác ý này là bờ đê. Vì sao vậy? Vì nhớ đến lời phát nguyện trước là làm thiện, không gây ác. Vì có cái dụng này, nên cần thọ giới.

Lại nữa, theo như ông lập luận, có và giáo giới riêng mà có thể ngăn cản sự phá giới, thì không nên có mất niệm phạm giới. Không cần bàn rộng: Nếu vậy, thì không đúng. Nhất định nên biết: Trong tám chi Thánh đạo, giới có ba phần là nền tảng của đạo, ví như đất. Do trước đã thực hành, ví như vua. Có thể thoát khỏi rừng rậm gai góc của sanh tử ví như chân đi. Các loại hương thơm đáng ưa thích ví như Thiên đàn diệp; thanh tịnh dần dần đạt đến Niết bàn, như dụ về bảy xe. Lại có sư khác nói: Trích dẫn kinh làm chứng, là quả của đạo. Vì nhân duyên cung kính lợi dưỡng, chứ chẳng phải đạo đối trị giữ gìn. Trái lại, vì khiến cho biết được quả sở đắc nên biết có giới này. Có sư khác nói: Vì sao Vô giáo giới là sắc, mà chẳng phải là thân thọ?

Đáp: Không giáo hóa thuộc nghiệp của thân miệng; thuộc về sắc thân thọ cùng với tâm tương ứng, thuộc về danh.

Lại nữa, vô giáo là nghiệp thân, nên thuộc về thân. Thọ là tâm pháp nên thuộc về tâm. Lại nữa, vô giáo cũng là giới, sắc, thuộc về sắc ấm. Thân, thọ tâm, pháp thuộc về Thọ ấm. Nay chỗ luận bàn tâm pháp này, là nơi nghiệp nương tựa của nghiệp. Do thân, miệng thành tựu, nên tạm có được danh ấy. Pháp này và thọ khác nhau thế nào?

Đáp: Thuộc về Thọ ấm, nên pháp này chung thuộc về các ấm. Vì sao? Vì dựa vào sự tương tục.

Ông hỏi: Xa lìa đánh đập... vì sao không nói là Đạo phần?

Đáp: Bạc Thánh hữu học chưa đạt đến vắng lặng. Ví như ngăn tội, vì không cùng khắp nên giống như chẳng phải phạm hạnh, vì không

nất định, như phần BỐ-sơ-đà; vì tư lương nên ví như BỐ thí... Ở đây luận đã bàn luận và phân tích rõ về tám giới; trong đấy nói đến tên gọi ba chi Thánh đạo.

Ông hỏi: Chánh nghiệp, chánh mạng, và chánh nghiệp, chánh mạng của mười thiện nghiệp khác nhau thế nào?

Đáp: Có thể trừ bỏ, vì không thể trừ bỏ. Từ chánh kiến xuất thế sanh khởi, thì cam lộ không lưu chuyển làm quả. Từ chánh kiến thế gian sanh khởi, thì hữu lưu, thủ ấm làm quả; có khả năng sanh phước đức gọi đó là nghiệp đạo; có thể xa lìa phước đức gọi là đạo phần.

Ông hỏi: Nghĩa chánh mạng là thế nào?

Đáp: Chánh mạng có hai loại: Một là cư sĩ xa lìa năm loại buôn bán; hai là người xuất gia xa lìa năm loại tà mạng. Theo lý tìm cầu mà thọ dụng về bốn duyên: ăn, mặc.... Lại nữa, biết đủ, không làm mất, những gì thuộc về Thánh chúng cho đến giữ gìn thân miệng. Lại nữa, trước nhân nơi trí tuệ làm xa lìa các sự sai lầm của thân tâm, đó gọi là Chánh mạng.

Ông hỏi: Chánh mạng nếu thuộc về nghiệp thân miệng, thì tại sao thành lập riêng?

Đáp: Thân nghiệp chung cả hai thứ, nhưng do nghĩa có khác, lập riêng để nhận biết. Ví như các ấm chung thuộc hành ấm; do nghĩa có khác nhau nên thành lập riêng bốn ấm. Lại nữa, thể có hai. Ví như thân. Quán kinh nói: Đối với quán thân, an trú thân. Lại nữa, chánh mạng khác với hai phần trước, ví như số lượng về hoặc.

Ông hỏi: Thế nào là Chánh tinh tấn?

Đáp: Thực hành khắp nơi, tùy theo mỗi cảnh sự sai khác, để đạt được các pháp thiện, khích lệ phát khởi thân tâm, không rời bỏ nhiệm vụ. Lại nữa, vì diệt trừ pháp ác, chứng đắc pháp thiện nên thường thực hành đồng mãnh, đó gọi là tinh tấn. Lại nữa tu hành đúng lý (thị xứ) thân tâm không điên đảo lại nỗ lực chuyên cần, gọi là tinh tấn.

Ông hỏi: Thế nào là tướng? Thế nào là dụng? Thế nào là duyên? Thế nào là nghĩa?

Đáp: Khích lệ dậy khởi nơi thân tâm là tướng. Không thối đọa gọi là dụng. Phát sanh tinh tấn là duyên. Trong luận tạng có nói: Tinh tấn thì đồng mãnh là tướng. Không trì trệ là dụng. Bốn chánh cần là duyên. Thực hành được lợi ích thù thắng là nghĩa. Nếu người tu tập lười biếng thực hành không có lợi ích thù thắng.

Lại nữa, Tinh tấn có năng lực khó ai hơn. Nếu người có tinh tấn thì có năng lực khó ai sánh, chiến đấu với các phiền não. Nếu người biếng

nhác thì không được việc này. Lại nữa, tu tập mà có thể diệt trừ, phá bỏ, là nghĩa của tinh tấn.

Ông hỏi: Nếu diệt trừ ác là thiện tức không có hai tinh tấn. Nếu chẳng phải thiện thì nghĩa diệt để chẳng phải thiện (tốt)?

Đáp: Diệt ác thì chỉ là không có vật; thiện thì không như vậy. Vì thế tinh tấn có hai loại. Lại nữa, diệt ác còn gọi là thiện chân thật, còn lại tức có ba thiện. Vì sao? Vì có bốn thiện. Xa lìa mùi hôi của phá giới, gọi là diệt ác. Hương thơm của giới khởi gọi là sanh thiện. Ví như nóng yên tĩnh thì khác với lạnh sanh.

Ông hỏi: Nếu nhất tâm tu tập chánh cần tức đã đầy đủ, thì không cần có bốn chánh cần. Nếu tuần tự tu tập tức thực hành các trợ đạo không đủ?

Đáp: Nhất tâm tu tập được bốn chánh cần, ví như nhất tâm là quán thấu suốt được Bốn đế. Vì sao? Vì tu tập này, nên các ác chưa sanh thì không được sanh, các ác sanh rồi thì không trụ được; các thiện chưa sanh khiến cho sanh, đã sanh rồi làm cho trụ kiên cố. Vì thế, tinh tấn, thể của chỉ là một; do dụng nên có bốn. Bộ Phân Biệt lại nói: Nếu người trì giới quán các hành, để đối trị diệt trừ định thì tu tập Bốn chánh cần. Các ác đã sanh có thể làm chướng ngại định, nhưng do tinh tấn nên bị diệt; chưa sanh phá giới, về sau cũng không sanh được; chưa sanh định, được sanh định; đã có giới thanh tịnh, thì được trú kiên cố. Vì nghĩa ấy, cho nên tinh tấn chỉ có một, mà sự dụng có bốn. Lại nữa, có người nói: Bốn chánh cần dấy khởi theo thứ tự, ví như được định. Vì sao? Vì có chánh cần, chỉ có khả năng phá trừ mê hoặc của thượng tâm. Có chánh cần khác, chỉ có khả năng nhổ hết các hoặc tùy miên. Lại có chánh cần, chỉ có khả năng sanh những căn chưa sanh. Có chánh cần chỉ có khả năng khiến căn sanh rồi làm cho vững chắc. Thế nên, tu tập đạo phẩm chẳng phải là tu rời rạc vì có chánh cần.

Ông hỏi: Thế nào là chánh niệm?

Đáp: Không quên đối tượng đã biết ở trước, ấy là chánh niệm, như nắm chắc tướng. Kinh dạy: Tâm tỉnh giác, tâm trói buộc... ấy gọi là niệm.

Ông hỏi: Thế nào là tướng? Thế nào là dụng? Thế nào là duyên? Thế nào là nghĩa?

Đáp: Cảnh giới trước đó, sau nhớ nghĩ là tướng. Tâm và cảnh không xa lìa là dụng. Sáu niệm là duyên. Tự nhớ khiến cho nhớ gọi là nghĩa của niệm. Ví như Bồ-đề là tự giác khiến cho giác. Lại nữa, luận tạng nói: Tâm lắng đọng thanh tịnh làm tướng không quên mất, nếu

quên mất thì hiện trở lại. Lại nữa, thường chấp giữ cảnh giới là chỗ nương nhờ của trí, nên cũng gọi là niệm. Lại nữa, niệm có bốn loại:

1. Tùy theo chấp danh, cú vị.
2. Thường thuận theo nghĩa đã chấp.
3. Thường thuận theo nghĩa đã suy nghĩ.

4. thường tùy theo sự thông suốt nghĩa đã tư duy. Nay luận bàn rõ chính là nghĩa thứ tư.

Ông hỏi: Các pháp hữu vi trong từng sát na không trú, thì Niệm sao thành tựu được? Vì sao? Vì người kia thấy, người kia nhớ nên không có nghĩa này?

Đáp: Nếu người biết khác người niệm thì không thành, như họ Trương thấy, họ Vương nhớ. Nếu trí liên tục khác với niệm thì cũng không thành, như thấy bò mà không nhớ ngựa... Nếu trí là một niệm thì cũng không thành, tức không có trí về sau (Hậu đắc trí). Trái với ba nghĩa này, tức gọi là Niệm. Lại giải thích, nếu không có sự liên quan thì người này có thấy người khác cũng sẽ không nhớ được, ví như người này thấy, còn người kia thì không nhớ. Còn nếu có sự tương quan, thì người kia thấy người kia sẽ nhớ được. Ví như trẻ thơ, trai tráng, già yếu... thì trí nhớ nghĩ tùy theo đó mà sanh. Lại nữa, ví như hạt giống, nếu không có liên quan, thì hạt lúa không sanh ra mầm lúa. Hoặc nhân quả tương quan mà có khác, như những loài lúa mà hạt, mầm, rễ, cành, lá mỗi thứ đều tùy theo đó mà sanh. Hoặc một niệm cũng không thành, vì nhân quả không lập được; như hạt giống luôn làm một thì mầm không sanh. Do sự tương quan không khác, không một nên niệm được thành.

Ông hỏi: Nếu tất cả các pháp đều là niệm xứ, thì niệm căn tức là niệm xứ, nghĩa này không tương ứng?

Đáp: Luận này bàn về. Niệm căn tức là Bốn niệm xứ, chỉ không dùng căn phân biệt cảnh giới. Ví như trí căn trí lượng.

Lại nữa, niệm xứ có ba loại:

1. Tự tánh niệm xứ, chỉ sanh nhớ nghĩ ví như vua.
2. Táp niệm xứ. Nếu pháp có thể trợ giúp cho niệm, cũng gọi niệm, như các quan hầu cận vua cũng được tiếng của vua.
3. Cảnh giới niệm xứ. Do niệm duyên với cảnh mà dấy khởi, cũng được gọi là niệm, như trú xứ của vua. Thế nên niệm căn tức là niệm xứ, nghĩa không trái nhau.

Ông hỏi: Nếu niệm tự nó còn không thể giữ lấy một pháp, thì tại sao kinh lại nói: Có niệm là gìn giữ bậc nhất?

Đáp: Niệm là duyên tăng thượng thứ nhất trong việc giữ gìn. Cho

nên nói giữ gìn là bậc nhất; ví như vua là trên hết. Kinh dạy: Tất cả các pháp, niệm là duyên tăng thượng, vì có tánh giữ gìn. Lại nữa, một niệm có thể bảo vệ tất cả các hành, nên nói giữ gìn là bậc nhất. Kinh dạy: Niệm hành khắp tất cả. Lại nữa, hết thảy niệm có khả năng giữ gìn sáu căn, như người canh giữ cửa. Niệm này có thể ghi nhận vào một tâm, như tay người nắm lấy âm dương đưa vào ống trúc. Lại nữa, có thể nắm giữ một sự tương tục nên gọi là giữ gìn bậc nhất, ví như bảo vệ đứa con một. Lại nữa sáu căn bị trói buộc trụ ở một niệm, không cho tán loạn, trụ vào tự cảnh, như sáu chúng sanh cùng trói vào một chỗ. Thế nên kinh nói: Niệm là giữ gìn bậc nhất.

Ông hỏi: Tại sao có khi có thể nhớ nghĩ, có khi không thể nhớ nghĩ?

Đáp: Có ba lý do có thể sanh nhớ nghĩ:

1. Thường tập quen. Do thường xuyên huân tập vào thân, miệng, ý như thấy trong mộng.

2. Tướng. Do tướng thuận hay nghịch mà nhớ cảnh tương tự hay không.

3. Lặng trong. Do tâm được lặng yên, niệm liền sanh khởi, như bình nước sạch có thể thấy được hình bóng. Nếu trái lại ba điều này tức không nhớ được. Lại khi qua đời và lúc mới sanh, vì quá nhiều nỗi thống khổ bức bách, nên quên mất niệm xưa, vì thế không nhớ sinh mạng đời trước. Lại nữa, có sáu nhân duyên sanh khởi niệm. Như bài kệ này nói:

*Thuận, nghịch, nhiều huân tập
Cùng hội tụ một nơi
Lực định và lực nhân
Là sáu nhân của niệm.*

Thuận là: Như thấy người trẻ tương tự liền nhớ đến con mình. Nghịch là do tiếp xúc nóng, liền nghĩ về lạnh khi xưa. Nhiều lần huân tập là thường đã quá quen làm nhiều việc nên tự nhiên nhớ đến. Hội tụ một nơi; ví như người thấy cây xoài liền nhớ đến vị chua của nó. Năng lực của định, ví như người chứng đắc ba minh, nhớ được việc làm đời quá khứ. Lực của nhân, ví như bậc Thánh và những người làm nhiều việc thiện, nhớ được đời sống quá khứ.

Ông hỏi: Thế nào là Tam-ma-đề (định)?

Đáp: Kinh dạy: Tâm an trú vào định vắng lặng gọi là Định. Trong tạng A-tỳ-đạt-ma cũng nói: Có thể thu tóm các pháp không phân tán, gọi là định. Lại nữa, đó là tâm liên tục mà gió phiền não xấu ác không

thể lay động được, như ngọn đèn trong nhà kín. Lại nữa, định có hai loại: Thế gian và xuất thế gian. Thế gian là có khả năng sanh quả báo thế gian cùng với phần giác tương ly; có thể điều phục sự mê hoặc của thượng tâm. Xuất thế gian là có thể khiến cho thoát khỏi thế gian và tương ứng với phần giác, có thể diệt trừ mê hoặc tùy miên. Luận ở đây là bàn bạc về định xuất thế gian.

Ông hỏi: Thế nào là tướng? Thế nào là dụng? Thế nào là duyên? Thế nào là nghĩa?

Đáp: Tâm an trú vào định là tướng. Điều phục, đối trị là dụng. Nương vào tâm để tu học là duyên. Luận tạng lại nói: Nhất tâm là tướng; không tán loạn là dụng; bốn định là duyên; tâm được an ổn là nghĩa. Như người bắn cung điều khiển cung tên. Người thế gian nói đó là ba mũi tên định. Đây là nói điều phục mũi tên. Như người điều phục tâm liên tục thì gọi là định. Như kệ nói:

*Tâm lay động tán loạn
Khó giữ, cũng khó ngăn
Người trí liền điều phục
Như người bắn cung tên.*

Lại nữa, tâm luôn an ổn bình đẳng. Ví như người điều khiển xe, chạy trên đường bằng phẳng, tránh chỗ quanh co nguy hiểm. Người quán các hành cũng như vậy, thường để tâm an ổn cùng với cảnh vắng lặng mà thực hành, có thể ngăn chặn tâm xấu ác, tán loạn, thì gọi là định. Lại nữa, khóa chặt năm bệnh triền cái thì như người không bị bệnh, cũng gọi là định.

Ông hỏi: Chánh định nếu là định, thì bậc Tu-đà-hoàn lẽ ra không còn tham dục, sân giận, nếu không như vậy thì trái đạo lý?

Đáp: Nơi đối trị định chính là định. Do đạt được quả vị nên chứng nghiệm được định ấy, ví như nắm căn. Lại nữa, tâm luôn chuyên chú theo định, ví như ong tuy ở nơi dơ ứ mà thường ưa thích đến hoa sen, nên biết là chúng luôn ở chỗ hoa; bậc Thánh cũng vậy, tuy ở chốn trần dục, nhưng tâm ưa thích tịch tĩnh, thế nên biết họ thường ở trong định. Lại nữa, như bậc Tu-đà-hoàn, tuy ở nơi tối tăm nhưng trí tuệ sáng suốt vẫn không mất. Lại nữa, Đức Phật, tuy có giác quán nhưng tâm không tán loạn, thường ở trong định. Định của hàng Tu-đà-hoàn cũng vậy, thế nên không trái đạo lý.

Hỏi: Tám phần Thánh đạo theo thứ lớp là thế nào?

Đáp: Do có thể nương vào lý quán Thánh đế, nên trước hết thành lập chánh kiến. Ở chỗ pháp đã quán chấp giữ, không xả bỏ. Tiếp theo

thành lập chánh giác (chánh tư duy) tuần tự mà lập chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Đối với pháp đã quán là xa lìa, là đạt được. Tiếp theo thành lập tinh tấn, đối với pháp xa lìa và đạt được hoàn toàn không quên mất. Tiếp đến lập chánh niệm; do nhớ nghĩ không quên, nên đối với cảnh đã thấy tâm không tán loạn; cuối cùng là thành lập chánh định.

Lại nữa, nếu tám pháp cùng khởi thì không theo thứ lớp, nhưng nói theo thứ tự thì không phải không có đạo lý. Nếu người muốn đến Niết bàn thì trước hết phải mong cầu chánh kiến. Như người muốn đi, cần phải có mắt; như đã thấy được lý, thì chấp giữ sự thấy đó mà chọn lựa, tóm lược. Tiếp theo thành lập chánh giác. Như chỗ chọn lựa mà giảng nói, tiếp đến là thành lập chánh ngữ. Vì sao? Vì nếu có nói năng thì ắt phải nương theo giác quán. Như lời nói mà thực hành, tiếp đến thành lập chánh nghiệp. Hai điều này thanh tịnh, thì theo đó thành lập chánh mạng, như người an trú trong giới. Nếu phát khởi siêng năng thì thành lập tinh tấn. Có tinh tấn nên niệm không mất, do đó thành lập chánh niệm. Vì có chánh niệm nên tâm nhất mực không tán loạn, thế nên thành lập chánh định.

Trong luận Tạng A-tỳ-đạt-ma có nói: Những hành này đều lấy trí tuệ làm căn bản. Vì sao? Vì cảnh của Bốn đế sâu xa, chẳng phải trí thì không thể hiểu được; thế nên thành lập Chánh kiến. Tâm tiếp xúc với cảnh này, tiếp đến thành lập Chánh giác. Do hai chi phần này nên đối trước Bốn đế có thể khiến tự biết, tiếp đến thành lập Chánh ngữ. Nhờ hai chi phần trước, nên như lời nói mà phát ra hành động, tiếp theo lập Chánh nghiệp. Do cả hai cặp chi phần trước, nên miệng nói thân hành thọ dụng cả Bốn đế, tiếp đến, thành lập Chánh mạng. Thân, tâm siêng năng là tiến đến lý chân thật, tiếp tục thành lập Chánh tinh tấn. Do tinh tấn này nên đối với cảnh của Bốn đế, tâm dụng được lắng trong, tiếp theo thành lập Chánh niệm. Do niệm chân chánh này, đối với cảnh của Bốn đế, tâm và các pháp hoàn toàn không có tán loạn; thế nên thành lập Chánh định. Lại nữa, do chánh kiến, nên người thực hành quán không bị rơi vào tăng thượng mạn, có thể phân biệt như thật, sở đắc của chính mình. Nhờ chánh giác mà phát sanh chánh ngữ, là chỗ mình đạt được có thể truyền lại cho người khác. Do chánh ngữ này, nên có thể thành lập, có thể trừ bỏ, có thể quyết định, khiến cho người khác tin là có trí tuệ. Do có chánh nghiệp, nên thà bỏ thân mạng chứ không phạm vào phi pháp, khiến cho người khác có lòng tin, ưa thích giới của bậc Thánh, nương vào pháp như lượng mong cầu thọ dụng bốn duyên.

Do chánh mạng khiến cho người khác tin vào sự biết đủ của các bậc Thánh. Lại nữa, do chánh kiến, chánh giác và nhờ chánh ngữ mà có thể cất lên tiếng rống sư tử. Do chánh nghiệp, chánh mạng mà hiển bày được nghĩa đã nói. Do chánh tinh tấn, nên chưa được khiến cho được, chưa diệt khiến cho diệt. Do có chánh niệm nên khi chìm hay nổi đều an ổn, không quên mất ba tướng. Vì thế định là không chướng ngại. Do có chánh định nên diệt trừ những chướng ngại của định, có thể đạt được các đức của sáu thông, về sau đều được giải thoát.

A-tỳ-đạt-ma nói: Do chánh kiến nên nói tín căn, tín lực cùng với dục. Vì sao? Do có trí tuệ nên niềm tin và mong muốn thành tựu. Do tinh tấn nên có khả năng thâm tóm các chi: chánh cần, tinh tấn, căn, lực, giác phần. Do chánh định nên giữ tâm như ý túc, định căn, định lực, hỷ, ý xả, định, giác phần... Do nghĩa này, nên biết Ba mươi bảy phẩm là thâm tóm trong Tám chánh đạo. Lại nữa, chánh kiến và chánh niệm là chi phần của Quán. Do quán này diệt vô minh này, nên trí tuệ giải thoát là quả. Các phần đạo khác thuộc về Chỉ, do chỉ này xa lìa dục, nên tâm giải thoát là quả. Vì thế tóm lược đạo có hai phần: Một là Quán. Hai là Chỉ. Luận tạng nói: Ba chi chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng thuộc nhóm giới. Do có giới này mà diệt trừ được gốc rễ sân giận, xấu ác. Ba chi chánh giác, chánh tinh tấn, chánh định thuộc nhóm định; nhờ nhóm định này mà nhổ sạch gốc tham dục xấu ác. Hai chi chánh kiến, chánh niệm thuộc nhóm tuệ; nhờ nhóm tuệ này, mà diệt được gốc vô minh xấu ác. Vì nghĩa này nên đạo có ba phần.

Đạo cũng có bốn:

1. Đạo phương tiện: Nhờ đạo này mà đạo vô ngại sanh khởi; Trước đạo vô ngại đều gọi là phương tiện.
2. Đạo vô ngại là đối trị chính có khả năng trừ mọi chướng ngại. Vì các Hoặc không thể ngăn ngại, nên gọi là Vô ngại.
3. Đạo giải thoát là, giải thoát các Hoặc còn chướng ngại trong đạo Vô ngại, ban đầu phát khởi gọi là giải thoát.
4. Đạo thù thắng là các đạo từ sau đạo giải thoát, đều gọi Đạo thù thắng.

Hỏi: Bốn điều này vì sao gọi là đạo?

Đáp: Vì nhờ đó mà tiến đến đạt Niết bàn, nên gọi là đạo. Nếu vậy, đạo giải thoát và thù thắng vì sao gọi là đạo?

Đáp: Đạo có nhiều loại, nên chuyển biến, tối thắng, khiến cho từ trước cho đến sau đều có khả năng đạt đến Vô dư Niết bàn, nên gọi là đạo. Lại nữa, đạo có bốn loại.

1. Khổ đạo trí kém.
2. Khổ đạo trí nhạy bén.
3. Lạc đạo trí thấp kém.
4. Lạc đạo trí nhạy bén.

Lạc đạo là do nương vào bốn phần định đầy đủ, định tuệ bình đẳng, đạt đến tu hành không cần dụng công (tự tại). Do nghĩa này, nên gọi là lạc đạo. Xa lìa điều này gọi là khổ đạo. Nghĩa là dựa vào định vị lai, định trung gian, định ba Không... Vì không đầy đủ các phần, định tuệ không bình đẳng, còn vận dụng công, công tu hành. Định vị lai là có trí tuệ nhưng ít định. Định ba Không là có định nhưng ít tuệ. Định trung gian là do các phần không đủ, nên định và tuệ đều ít. Do nghĩa này, nên gọi là khổ đạo. Đối với hai đạo này, nếu người có tín căn thì được gọi là hành chậm lụt. Nếu người có trí căn thì được gọi là hành nhanh chóng. Tám chi thánh đạo này, căn cứ ở định và căn thì có bốn loại hành. Lại nữa, Thánh đạo có thể nói là Ba mươi bảy phẩm trợ giác. Pháp gì gọi là giác? Dùng Tận trí và Vô sanh trí gọi đó là Giác. Do ba hạng người mà thành ba phẩm giác. Tức là Bồ đề Thanh văn, Bồ đề Bích Chi, Bồ đề Vô thượng. Có thể diệt sạch vô minh khiến không còn sót, việc mình đã làm xong, không còn làm lại nữa, như nhận biết chân thật, gọi là giác. Trợ là Ba mươi bảy pháp tùy tùng với Tận trí và Vô sanh trí, nên gọi Trợ. Do tên gọi này, mà nói là Ba mươi bảy, chứ không do “thể”. Nay luận bàn về thể chỉ có mười, tức gồm: Tín, Tinh tấn, Niệm, Định, Tuệ, Hỷ, Khinh an, Xả, Giới, Giác. A-tỳ-đạt-ma sư nói: Thể có mười một, tức Giới chia làm hai; Nghĩa là thân và khẩu. Lại có A-tỳ-đạt-ma sư nói: Thể có mười ba, nghĩa là thêm Dục và Tâm, trải qua hết thủy pháp đã đạt được đều gọi là trợ giác. Ở đây, đại khái chỉ nói mười thù thắng là đủ cho tất cả. Nói Ba mươi bảy là gồm: Bốn Niệm xứ, Bốn Chánh cần, Bốn Như ý túc, Năm Căn, Năm Lực, Tám Thánh đạo và Bảy Giác phần.

Hỏi: Bảy phần trợ giác này trụ ở đâu?

Đáp: Thường có bốn bậc.

1. Là bậc mới phát hành.
2. Là bậc thông đạt.
3. Là bậc kiến.
4. Là bậc tu.

Hỏi: Thứ lớp thế nào?

Đáp: Là người quán hành đã an trụ trong giới, đã có khả năng hiểu rõ tội lỗi của sanh tử và công đức của Niết bàn, nếu xa lìa quán Bốn đế

thì không có phương tiện khác có khả năng biết rõ lỗi lầm và công đức. Vì để thu tóm tâm tán loạn của nhiều cảnh khiến cho trụ vào một nơi, để sanh khởi điều phục, đối trị bốn điên đảo, khiến cho tâm như lý nhập quán Bốn đế. Thế nên, trước hết phải quán bốn Niệm xứ. Nhờ quán bốn niệm xứ mà phân biệt được pháp nào nên xả và pháp nào nên giữ. Vì giữ gìn pháp thiện, loại bỏ pháp ác, nên theo đó mà tu hành Chánh cần. Do quán bốn Niệm, nên Chánh cần được thành lập. Do chánh cần, các Hoặc, chướng ngại của quán đã sạch trong, với trợ pháp đã được thành lập, nên tâm tùy theo ý được an trú. Tiếp đến thành lập bốn Như ý túc. Do lực của định, nên đối với các cảnh tâm không bị ngăn ngại, còn có tăng trưởng. Do đức tin này, nên tâm cũng không biếng nhác mà lại tăng trưởng. Do tinh tấn này, các thiện tâm vốn được, có hỗ trợ, không bị chướng ngại. Đối với các cảnh tâm không quên mất, mà còn có tăng trưởng, do có niệm như vậy nên thu tóm vào một cảnh. Đối với nơi không tán loạn, tâm luôn có tăng trưởng. Do có định ấy, tâm quán cảnh như thật, và có tăng trưởng. Do thể thường đang tăng trưởng, nên quả vị không thối lui, nên tâm cũng có tăng trưởng. Do không thối lui, nên đối với các phần thông đạt, tâm vẫn có tăng trưởng. Thứ đến là thiết lập năm căn. Năm căn này tăng trưởng đạt đến phẩm thượng tối thượng, các Hoặc ở địa dưới không thể phá hoại, các pháp thế gian không thể hơn được. Tâm không lưu chuyển theo thứ lớp mà duyên, đến quả vị Thánh không thối chuyển. Vì nghĩa này nên thành lập tiếp năm lực. Khi đã nhận thức rõ cái kia, cái này, được và mất tức đã được con đường chân thật, đã được tâm vững chắc, rồi thì được mắt, được chân đi. Do năm lực nên thực hành được pháp xuất thế. Kế đến thành lập Tám thánh đạo. Do tám Thánh đạo, nên phá trừ Hoặc của Kiến đế, gần kề Tận trí và Vô sanh trí. Chuyển Tám đạo này thành bảy Giác phần. Thế nên, thứ đến thiết lập Ba mươi bảy chi. Quán bốn Niệm xứ là Sơ phát hành vị, tức là phần giải thoát. Bốn Chánh cần gọi là Nhẫn vị. Bốn Như ý túc là Danh vị. Năm căn là Tướng vị. Năm lực là Đệ nhất pháp vị. Bốn thứ này chung gọi là Quyết liễu vị. Tám Thánh đạo gọi là Kiến vị. Bảy Giác phần gọi là Tu vị. Tận trí và Vô sanh trí gọi là Cứu cánh vị, tức là quả chẳng phải là nhân, nên không thành lập đạo. Lại nữa, đạo này còn gọi là Phạm luân. Phạm luân là pháp luân chuyển của Đức Phật và đệ tử. Thánh đạo này có sáu nghĩa, ví như luân (bánh xe): Một là đi nhanh chóng. Nghĩa là một tâm, mười hai tâm, hoặc mười lăm tâm, hành khắp ba cõi, Bốn đế nên gọi là nhanh chóng. Hai là bỏ nơi đây để đạt đến nơi kia. Nghĩa là bỏ thế gian để đến được xuất thế gian... Ba

là thực hành cả trên dưới. Nghĩa là hoặc ở nơi Pháp nhãn, hoặc ở nơi Loại nhãn... Bốn là từ đây đến kia. Nghĩa là sự hiểu biết của thầy, lại truyền trao liên tục cho các đệ tử, rồi cứ tiếp nối như vậy. Năm là tương tự trục xe, cãm và vành, nghĩa là giới có ba phần làm trục, chánh kiến, chánh giác, chánh tinh tấn; chánh niệm là cãm; chánh định là vành. Sáu là Như Thánh vương luân, chưa điều phục thì có thể điều phục; đã điều phục thì có thể giữ gìn. Do đạo vô ngại có thể điều phục, đạo giải thoát có thể giữ gìn. Vì nghĩa này nên gọi là Phạm luân. Lại nữa, ở trong đây là tám con đường của bậc Thánh; chánh kiến có năm phần; giới có sáu loại, đó là ba nghiệp có giáo giới và vô giáo giới; tinh tấn có chín phần; chánh niệm có tám phần; chánh định cũng có tám. Thánh đạo này, nếu nói rộng thì có Ba mươi bảy phần, nếu nói vừa thì có tám phần, nếu nói tóm lược thì có ba phần hoặc hai phần. Bài kệ sau đây nói rõ:

*Nếu người cầu Niết bàn
 Diệt, chỉ và diêu, ly
 Nên thường hành tinh tấn.
 Nghe, nghĩ, tu Bốn đế.*

